

TĐVMT P. Nam

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3276 /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ các Quyết định số 974/QĐ-TTg ngày 19/5/2025; số 1097/QĐ-TTg ngày 09/6/2025; số 1352/QĐ-TTg ngày 25/6/2025; số 1354/QĐ-TTg ngày 25/6/2025; số 1401/QĐ-TTg ngày 28/6/2025; số 1491/QĐ-TTg ngày 08/7/2025; số 1788/QĐ-TTg ngày 20/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao và điều chỉnh dự toán thu, chi NSNN cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ các Quyết định số 1532/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2025; 1550/QĐ-BNNMT ngày 21/5/2025; số 1750/QĐ-BNNMT ngày 30/5/2025; số 2097/QĐ-BNNMT ngày 12/6/2025; số 2337/QĐ-BNNMT ngày 24/6/2025; số 2338/QĐ-BNNMT ngày 24/6/2025; số 2440/QĐ-BNNMT ngày 30/6/2025; số 2457/QĐ-BNNMT ngày 30/6/2025; số 2670/QĐ-BNNMT ngày 14/7/2025; số 3048/QĐ-BNNMT ngày 04/8/2025; số 3105/QĐ-BNNMT ngày 07/8/2025 và số 3269/QĐ-BNNMT ngày 18/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc giao và điều chỉnh dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể như sau:

1. Đối với dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước và chi viện trợ ngân sách trung ương:

Số liệu tổng hợp theo lĩnh vực chi, từng dự án viện trợ tại Phụ lục số 01 và các Biểu đính kèm.

2. Đối với dự toán thu ngân sách nhà nước:

Số liệu tổng hợp theo các khoản thu tại Phụ lục số 02.

3. Chi tiết đơn vị, nội dung và nhiệm vụ thu, chi theo từng lĩnh vực tại Thuyết minh, các Phụ lục và Biểu đính kèm.

**Điều 2.** Căn cứ dự toán được giao, Thủ trưởng các đơn vị:

1. Tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành; Quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí được giao đảm bảo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm triển khai kịp thời, hiệu quả, đúng mục đích, đúng chế độ chính sách, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm.

2. Văn phòng quốc gia về giảm nghèo, Văn phòng điều phối nông thôn mới trung ương, Cục Kinh tế hợp tác và PTNT chịu trách nhiệm toàn diện về phương án đề xuất nhiệm vụ và kinh phí, đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả, tiến độ và không lãng phí nguồn lực đối với các chương trình, nhiệm vụ được giao chủ trì; Chủ trì quản lý, tổ chức triển khai thực hiện; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát quá trình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ; đánh giá, nghiệm thu kết quả của nhiệm vụ.

3. Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Pháp chế, Vụ Hợp tác Quốc tế, Văn phòng Bộ chịu trách nhiệm toàn diện về phương án đề xuất nhiệm vụ và kinh phí, đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả, tiến độ và không lãng phí nguồn lực;

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- KBNN nơi giao dịch;
- Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KHTC\_HTPT.



**Nguyễn Hoàng Hiệp**

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**  
Chương 026

Biểu số 01

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI, NỢ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

Đơn vị: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số: 3276 /QĐ-BNNMT ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025			Ghi chú
			Đã giao	Điều chỉnh	Tăng (+), giảm (-)	
<b>A</b>	<b>TỔNG SỐ THU, CHI, NỢ NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ</b>					
<b>B</b>	<b>DỰ TOÁN CHI NSNN</b>	Nghìn đồng	23.191.000	23.191.000	0	
<b>B.1</b>	<b>CHI SỰ NGHIỆP</b>		23.191.000	23.191.000	0	
	<i>Trong đó: Tiết kiệm theo Nghị quyết số 173/NQ-CP</i>		0	31.000	31.000	
	Vốn trong nước		23.191.000	23.191.000	0	
	Vốn ngoài nước		0	0	0	
<b>I</b>	<b>SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>	Nghìn đồng	4.277.000	4.277.000	0	
	<i>Trong đó: Tiết kiệm theo Nghị quyết số 173/NQ-CP</i>		0	31.000	31.000	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	-	0	0	0	
2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	4.277.000	4.277.000	0	Phụ lục I
a	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	-	0	0	0	
b	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp bộ	-	3.577.000	3.577.000	0	
	<i>Chuyên tiếp</i>		3.177.000	3.177.000	0	
	<i>Mới mới</i>	-	400.000	400.000	0	
c	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	-	700.000	700.000	0	
<b>II</b>	<b>SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ</b>	Nghìn đồng	18.392.000	18.392.000	0	
1	Vốn trong nước		18.392.000	18.392.000	0	
1.1	Giáo dục đại học	Nghìn đồng	18.392.000	18.392.000	0	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025			Ghi chú
			Đã giao	Điều chỉnh	Tăng (+), giảm (-)	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	14.592.000	14.592.000	0	
	<i>Chi thường xuyên giao tự chủ</i>	-	14.592.000	14.592.000	0	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		3.800.000	3.800.000	0	
	<i>Miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập</i>		590.000	590.000	0	
	<i>Quý khen thường theo ND 73</i>		3.210.000	3.210.000	0	
1.2	<b>Đào tạo lại</b>	-	0	0	0	
2	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia</b>		0	0	0	
III	<b>CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b>	Nghìn đồng	522.000	522.000	0	
1	<b>Vốn trong nước</b>	-	522.000	522.000	0	
1.1	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	Nghìn đồng	0	0	0	
1.2	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	Nghìn đồng	522.000	522.000	0	
*	Nhiệm vụ chuyên môn		522.000	522.000	0	Phụ lục II
	<i>Chuyển tiếp</i>		522.000	522.000	0	
	<i>Mở mới</i>		0	0	0	

67

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**  
Chương 026

Biểu số 02

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

Đơn vị: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP Hồ Chí Minh

Mã đơn vị quan hệ ngân sách: 1031265

(Kèm theo Quyết định số: 3276 /QĐ-BNNMT ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

						Đơn vị tính: Triệu đồng		
TT	Nội dung	Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	Dự toán năm 2025	Dự toán tăng	Dự toán giảm	Dự toán điều chỉnh	Ghi chú	
<b>A</b>	<b>TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ</b>							
<b>B</b>	<b>DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>		<b>23.191.000</b>	<b>36.000</b>	<b>36.000</b>	<b>23.191.000</b>		
	<i>Trong đó: Tiết kiệm theo Nghị quyết số 173/NQ-CP</i>		0	31.000	0	31.000		
<b>I</b>	<b>SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (LOẠI 100-KHOẢN 103)</b>	Phòng Giao dịch số 6- KBNN Khu vực II (MHKB: 0120)	<b>4.277.000</b>	<b>36.000</b>	<b>36.000</b>	<b>4.277.000</b>		
	<i>Trong đó: Tiết kiệm theo Nghị quyết số 173/NQ-CP</i>		0	31.000	0	31.000		
1	Kinh phí thường xuyên		0	0	0	0		
2	Kinh phí không thường xuyên		0	0	0	0		
3	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN		4.277.000	36.000	36.000	4.277.000		
	<i>Kinh phí giao khoán</i>		2.821.200		36.000	2.785.200		
	<i>Kinh phí không giao khoán</i>		1.455.800	36.000		1.491.800		
<b>II</b>	<b>SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ</b>	Phòng Giao dịch số 6- KBNN Khu vực II (MHKB: 0120)	<b>18.392.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>18.392.000</b>		
	<b>ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC (LOẠI 070 - KHOẢN 031)</b>		<b>18.392.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>18.392.000</b>		
1	Kinh phí thường xuyên		14.592.000			14.592.000		
2	Kinh phí không thường xuyên		3.800.000			3.800.000		

5

TT	Nội dung	Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	Dự toán năm 2025	Dự toán tăng	Dự toán giảm	Dự toán điều chỉnh	Ghi chú
<b>III</b>	<b>SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (LOẠI 250 KHOẢN 278)</b>	Phòng Giao dịch số 6- KBNN Khu vực II (MHKB: 0120)	<b>522.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>522.000</b>	
1	Kinh phí thường xuyên		0			0	
2	Kinh phí không thường xuyên		522.000			522.000	

*Handwritten mark*

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Chương 026

**Phụ lục I**

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2025**

Nguồn: Sự nghiệp khoa học và công nghệ

Đơn vị: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số: 5276/QĐ-BNNMT ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Nhiệm vụ, dự án	Quyết định có cấp thẩm quyền phê duyệt	Thời gian thực hiện	Dự toán được duyệt	Đã giao lũy kế năm 2024	Kế hoạch năm 2025			Ghi chú
						Đã giao	Điều chỉnh	Tăng (+), giảm (-)	
	<b>TỔNG SỐ</b>			<b>9.034.000</b>	<b>400.000</b>	<b>4.277.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
	Trong đó: Tiết kiệm theo Nghị quyết số 173/NQ-CP					0	31.000	31.000	
	Kinh phí giao khoán			5.163.000	195.000	2.821.200	2.785.200	-36.000	
	Kinh phí không giao khoán			3.871.000	205.000	1.455.800	1.491.800	36.000	
<b>1</b>	<b>Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia</b>			<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>2</b>	<b>Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ</b>			<b>8.334.000</b>	<b>400.000</b>	<b>3.577.000</b>	<b>3.577.000</b>	<b>0</b>	
<b>a</b>	<b>Chuyển tiếp</b>			<b>3.577.000</b>	<b>400.000</b>	<b>3.177.000</b>	<b>3.177.000</b>	<b>0</b>	
	TNMT.2024.05.01: Nghiên cứu công nghệ mới chuyển hóa rác thải nhựa kết hợp với phụ phẩm nông nghiệp để sản xuất than hoạt tính	QĐ số 4048/QĐ-BTNMT 26/12/2023	2024-2025	1.795.000	200.000	1.595.000	1.595.000	0	Trong đó: tiết kiệm chi theo NQ số 173/NQ-CP là 12.000 nghìn đồng
	Kinh phí giao khoán			1.159.000	104.000	1.055.000	1.055.000	0	
	Kinh phí không giao khoán			636.000	96.000	540.000	540.000	0	
	TNMT.2024.05.02: Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn giảm phát thải nhựa đại dương trong nuôi trồng thủy sản trên biển từ hiệu quả sử dụng vật liệu HDPE bền vững	QĐ số 4048/QĐ-BTNMT 26/12/2023	2024-2025	1.782.000	200.000	1.582.000	1.582.000	0	Trong đó: tiết kiệm chi theo NQ số 173/NQ-CP là 10.000 nghìn đồng
	Kinh phí giao khoán			961.000	91.000	870.000	870.000	0	
	Kinh phí không giao khoán			821.000	109.000	712.000	712.000	0	
<b>b</b>	<b>Mở mới</b>			<b>4.757.000</b>	<b>0</b>	<b>400.000</b>	<b>400.000</b>	<b>0</b>	

26



TT	Nhiệm vụ, dự án	Quyết định có cấp thẩm quyền phê duyệt	Thời gian thực hiện	Dự toán được duyệt	Đã giao lũy kế năm 2024	Kế hoạch năm 2025			Ghi chú
						Đã giao	Điều chỉnh	Tăng (+), giảm (-)	
	TNMT.ĐL.2025.05.03. Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật thủy văn đồng vị để xác định nguồn gốc một số chất gây ô nhiễm nước mặt.	QĐ số 2065/QĐ-BTNMT ngày 26/7/2024	2025-2026	2.347.000	0	200.000	200.000	0	Trong đó: tiết kiệm chi theo NQ số 173/NQ-CP là 1.000 nghìn đồng
	<i>Kinh phí giao khoán</i>			872.000		182.000	146.000	-36.000	
	<i>Kinh phí không giao khoán</i>			1.475.000		18.000	54.000	36.000	
	TNMT.ĐL.2025.04.20. Nghiên cứu đề xuất mô hình và giải pháp thúc đẩy thực thi chính sách kinh tế tuần hoàn trong hoạt động chế biến thủy sản	QĐ số 4301/QĐ-BTNMT ngày 27/12/2024	2025-2026	2.410.000	0	200.000	200.000	0	Trong đó: tiết kiệm chi theo NQ số 173/NQ-CP là 4.000 nghìn đồng
	<i>Kinh phí giao khoán</i>			1.553.000		96.200	96.200	0	
	<i>Kinh phí không giao khoán</i>			857.000		103.800	103.800	0	
<b>3</b>	<b>Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở</b>			<b>700.000</b>	<b>0</b>	<b>700.000</b>	<b>700.000</b>	<b>0</b>	
	Mô phỏng và đánh giá mức độ xâm nhập mặn tại các điểm nguồn cấp nước trên hệ thống sông Sài Gòn dưới tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng	QĐ số 1210/QĐ-TĐHTPHCM ngày 03/12/2024	2025	350.000	0	350.000	350.000	0	Trong đó: tiết kiệm chi theo NQ số 173/NQ-CP là 2.000 nghìn đồng
	<i>Kinh phí giao khoán</i>			314.000		314.000	314.000	0	
	<i>Kinh phí không giao khoán</i>			36.000		36.000	36.000	0	
	Nghiên cứu ứng dụng mô hình thủy động lực hai chiều mã nguồn mở mô phỏng chế độ bùn cát đoạn sông Hậu tỉnh An Giang	QĐ số 1211/QĐ-TĐHTPHCM ngày 03/12/2024	2025	350.000	0	350.000	350.000	0	Trong đó: tiết kiệm chi theo NQ số 173/NQ-CP là 2.000 nghìn đồng
	<i>Kinh phí giao khoán</i>			304.000		304.000	304.000	0	
	<i>Kinh phí không giao khoán</i>			46.000		46.000	46.000	0	

54

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**  
Chương 026

**Phụ lục II**

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUYÊN MÔN NĂM 2025**

Nguồn: Sự nghiệp bảo vệ môi trường

Đơn vị: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số: 3276/QĐ-BNNMT ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Nhiệm vụ, dự án	Quyết định phê duyệt	Thời gian thực hiện	Dự toán được duyệt	Lũy kế đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025			Ghi chú
						Đã giao	Điều chỉnh	Tăng (+), giảm (-)	
	<b>TỔNG SỐ</b>			2.004.000	1.482.000	522.000	522.000	0	
I	Kinh phí thường xuyên			0	0	0	0	0	
II	Kinh phí không thường xuyên			2.004.000	1.482.000	522.000	522.000	0	
1	Nhiệm vụ chuyên môn hàng năm			2.004.000	1.482.000	522.000	522.000	0	
-	<i>Nhiệm vụ chuyển tiếp</i>			2.004.000	1.482.000	522.000	522.000	0	
	Xây dựng một số mô hình quy mô phòng thí nghiệm về kiểm soát ô nhiễm môi trường, quản lý chất thải và phổ biến, nhân rộng phục vụ công tác bảo vệ môi trường	Quyết định số 3054/QĐ-BTNMT ngày 23/9/2024	2023-2025	2.004.000	1.482.000	522.000	522.000	0	
-	<i>Nhiệm vụ mở mới</i>			0	0	0	0	0	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG